

Số: **159/2026/QĐST-DS**

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBNVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận hòa giải thành của các đương sự ngày 23 tháng 12 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 843/2025/TLST-DS ngày 05/11/2025 về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó và đề nghị Tòa án ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Trụ sở: Số 266 -268 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D – chức vụ: Tổng Giám đốc.

Pháp nhân đại diện theo uỷ quyền: Công ty TNHH MTV Q. Địa chỉ: Số 278 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh. Địa diện theo pháp luật: Ông Phan Tấn D1 theo Giấy uỷ quyền số 3815/2024/GUQ-PC ngày 10/12/2024.

Đại diện uỷ quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Việt Q1 Giấy uỷ quyền số 2627/2025/UQ-TGD ngày 22/4/2025.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hạnh P. Sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 20 ngõ 55 H, phường C, thành phố Hà Nội.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh P xác nhận ngày 30/11/2016 có ký Ngân hàng TMCP S Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng). Căn cứ thu nhập của bà P, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng số thẻ 486265 – 1354 với hạn mức sử dụng là 20.000.000 đồng; với mục đích tiêu dùng cá nhân.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà P đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 361.984.837 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà P đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 359.843.867 đồng (Thứ tự thanh toán căn cứ theo Điều 20 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng).

Các bên xác nhận, tính đến ngày 26/01/2026, bà P còn nợ Ngân hàng S tổng số tiền **73.531.494** đồng (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 22.614.158 đồng, Nợ lãi quá hạn là 50.917.336 đồng.

2. Các bên đương sự xác nhận phương án hòa giải cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị Hạnh P phải thanh toán tổng số tiền nợ **73.531.494** đồng (Bằng chữ: Bảy mươi ba triệu, năm trăm ba mươi một nghìn, bốn trăm chín mươi bốn nghìn đồng), theo các kì như sau:

- Lần 1: Ngày 28/02/2026: bà P trả Ngân hàng TMCP S số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, được trừ vào nợ gốc.
- Lần 2: Ngày 28/03/2026: bà P trả Ngân hàng TMCP S số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, được trừ vào nợ gốc.
- Lần 3: Ngày 28/04/2026: bà P trả Ngân hàng TMCP S số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, được trừ vào nợ gốc.
- Lần 4: Ngày 28/05/2026: bà P trả Ngân hàng TMCP S số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, được trừ vào nợ gốc.
- Lần 5: Ngày 28/06/2026: bà P trả Ngân hàng TMCP S số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, được trừ vào nợ gốc.
- Lần 6: Ngày 28/07/2026: bà P trả Ngân hàng TMCP S toàn bộ số tiền nợ gốc còn lại và toàn bộ số tiền nợ lãi và toàn bộ số tiền nợ lãi.

Trường hợp bà Nguyễn Thị Hạnh P vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào thì Ngân hàng TMCP S có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền buộc bà P phải trả nợ số tiền trên.

Kể từ ngày 27/01/2026, bà Nguyễn Thị Hạnh P có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP S số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng – các tài liệu

này được gọi chung là Hợp đồng) đối với thẻ tín dụng số thẻ 486265 – 1354 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

III. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Hạnh P phải chịu 1.839.000 đồng (Bằng chữ: Một triệu, tám trăm ba mươi chín nghìn đồng) (đã giảm $\frac{1}{2}$).

Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.274.580 đồng (Bằng chữ: Một triệu, hai trăm bảy mươi bốn nghìn, năm trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014861 ngày 04/11/2025 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục P thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV1 – Hà Nội;
- Phòng THA DS KV1 – Hà Nội;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Trương Thị Thu Hương